

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV ban hành Nghị quyết hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 915/TTr-HĐND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Đỗ Trọng Hưng**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 119/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế điều chỉnh hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, cử tri và công dân nêu tại Điều 1 liên quan đến các nội dung sau đây:

1. Chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức giám sát, khảo sát, thẩm tra.
3. Xây dựng và thực hiện các nghị quyết, cơ chế, chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Triệu tập kỳ họp, tham dự kỳ họp và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.
5. Hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.
6. Hoạt động tiếp công dân.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; các luật, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Quy chế này; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể.

2. Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp hành nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo,

chỉ đạo của Tỉnh ủy.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 4. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do cử tri bầu ra, là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong tỉnh, chịu trách nhiệm trước Nhân dân trong tỉnh và cơ quan Nhà nước cấp trên.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

a) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn tỉnh;

c) Quyết định biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan Nhà nước cấp trên phân cấp; quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã, cơ quan Nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở tỉnh;

d) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện;

đ) Giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn; phê chuẩn nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện về việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng chính quyền:

a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy

ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh;

b) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu theo quy định tại Điều 38 của Quy chế này;

c) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu;

d) Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; quyết định số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Chính phủ;

e) Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định các nội dung liên quan đến phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; các khoản đóng góp của Nhân dân; quyết định việc vay các nguồn vốn trong nước thông qua phát hành trái phiếu địa phương, trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật và sử dụng ngân sách địa phương để cân đối trả nợ khoản vay;

d) Quyết định chủ trương, biện pháp cụ thể để khuyến khích, huy động các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định các biện pháp khác để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trong phạm vi được phân quyền theo quy định của pháp luật; việc liên kết kinh tế vùng giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương và bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân;

g) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh trước khi trình Chính phủ phê duyệt; quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ môi trường trong phạm vi được phân quyền.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục, đào tạo trong phạm vi được phân quyền; quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh;

c) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương; biện pháp bảo đảm cho hoạt động văn hóa, thông tin, quảng cáo, báo chí, xuất bản, thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội:

a) Quyết định biện pháp phát triển hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tuyến tỉnh, tuyến huyện, tuyến xã;

b) Quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; bảo vệ và chăm sóc người mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và người có hoàn cảnh khó khăn khác. Quyết định biện pháp phòng, chống dịch bệnh; biện pháp thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh;

d) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực ở địa phương; biện pháp tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

đ) Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan Nhà nước cấp trên;

e) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, biện pháp xóa đói, giảm nghèo.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tăng cường đoàn kết toàn dân và tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc ở địa phương;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách tôn giáo trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo đảm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật; giữ vững an ninh chính trị, đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật khác, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh;

b) Quyết định chủ trương, biện pháp nhằm phát huy tiềm năng của địa phương để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc đáp ứng yêu cầu thời bình và thời chiến;

c) Quyết định chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an xã ở địa phương; quyết định chủ trương, biện pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, chuyển hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương từ thời bình sang thời chiến;

d) Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 6. Vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan Nhà nước cấp trên theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, hai Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những vấn đề cần phải xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng chính quyền địa phương vững mạnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh điều hành chung các công việc của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; giữ mối liên hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, mà trực tiếp, thường xuyên là Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh cho đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; giữ mối liên hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các cơ quan của Trung ương đứng chân trên địa bàn tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức xã hội khác và công dân.

3. Các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị và triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, thông báo dự kiến chương trình kỳ họp; tổ chức họp báo về dự kiến chương trình kỳ họp do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khi cần thiết.

3. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp.

4. Tổng hợp nội dung chất vấn trên cơ sở kết quả thực hiện kết luận về phiên chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại các kỳ họp trước, phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm, dự kiến nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

5. Bảo đảm việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đôn đốc các cơ quan, tổ chức hữu quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn do pháp luật quy định.

7. Lãnh đạo, chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức các kỳ họp không giấy tờ.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phân công các Ban thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phân công các Ban tham gia đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số công việc khác.

3. Phân công, chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Tham dự các phiên họp, các hoạt động giám sát, thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giữ mối liên hệ với đại biểu và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, tiếp công dân; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các văn bản quy phạm pháp luật khác, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Mời đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia đoàn giám sát và tham dự các hoạt động khác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết.

5. Tổng hợp kết quả giám sát của đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đình kỳ hằng năm và cả nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại hoạt động của đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 3

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 11. Vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức và phương thức làm việc của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, có chức năng thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các ủy viên. Số lượng Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật. Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Thành viên của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

4. Căn cứ vào chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân xây dựng chương trình công tác của mình.

5. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban; khi có công việc cần lấy ý kiến tập thể, Ban tổ chức họp để xem xét, giải quyết. Hằng tháng, Trưởng ban, Phó Trưởng ban hội ý công tác; các cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản.

Điều 12. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

3. Giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

5. Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả giám sát, kết quả thẩm tra với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 13. Lĩnh vực hoạt động của các Ban; phân công, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh;

2. Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, điện, xây dựng, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

3. Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo trên địa bàn tỉnh;

4. Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong lĩnh vực dân tộc, miền núi trên địa bàn tỉnh.

5. Trong quá trình hoạt động, tùy theo nhiệm vụ, từng thời điểm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể phân công, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban cho phù hợp với tình hình thực tế.

Chương III

ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 14. Vị trí, vai trò, chức năng của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân trong tỉnh; chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 15. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ sau đây

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại biểu không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét bãi nhiệm đại biểu đó.

Khi nhận được thông báo về thời gian, dự kiến chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên, trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu.

3. Tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi được mời.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

5. Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến, tuyên truyền các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

6. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của cử tri và Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cử tri bãi nhiệm.

2. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị khởi tố bị can thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất việc đại biểu Hội đồng nhân dân đó bị mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân, đồng thời thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri và Nhân dân trong tỉnh biết.

Điều 17. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện hoạt động giám sát.

2. Trước kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu họp để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp; tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri. Sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu tổ chức để các đại biểu tiếp xúc, báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp.

3. Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tọa và Thư ký kỳ họp; cấp ủy, chính quyền đơn vị bầu cử; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên để tiếp công dân. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi đại biểu ứng cử có trách nhiệm phối hợp, đáp ứng các điều kiện cần thiết để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân.

4. Báo cáo kết quả hoạt động theo định kỳ 6 tháng, cả năm với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Hằng năm và trước khi kết thúc nhiệm kỳ, tổ chức họp đánh giá, bình xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổ và của từng thành viên, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để theo dõi, tổng hợp và đề nghị cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Điều 18. Nhiệm vụ của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Giữ mối liên hệ với các đại biểu trong Tổ và tổ chức các hoạt động của Tổ theo quy định của pháp luật.

2. Giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường

trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tọa và Thư ký kỳ họp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn bầu cử để thực hiện các nhiệm vụ của Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Chủ trì các cuộc họp của Tổ đại biểu.

4. Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

5. Tập hợp ý kiến chất vấn của thành viên trong Tổ đại biểu gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để yêu cầu thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan trả lời cho đại biểu hoặc tổng hợp đưa ra chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, các báo cáo và các văn bản khác của Tổ.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tạo điều kiện cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động

1. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương IV

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KỲ HỌP

Điều 20. Thời điểm tổ chức kỳ họp

1. Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi năm 2 lần. Kỳ họp thường kỳ giữa năm được tổ chức trước ngày 30 tháng 7, kỳ họp thường kỳ cuối năm được tổ chức trước ngày 10 tháng 12.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu; thời điểm họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ được tổ chức chậm nhất 25 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX.

4. Việc tổ chức kỳ họp có thể bằng hình thức họp toàn thể hoặc trực tuyến. Hình thức họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 21. Việc xem xét, thảo luận các báo cáo tại kỳ họp

1. Tại kỳ họp thường kỳ giữa năm và cuối năm, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo sau:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

b) Các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh: Về tình hình kinh tế - xã hội; về kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; về tài chính Nhà nước; về thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương; về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công; về công tác phòng, chống tham nhũng; về tình hình thực hiện cải cách hành chính; về tình hình tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo; về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; về kết quả thực hiện kết luận phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp trước (nếu có);

c) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tại kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo sau: Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

Điều 22. Việc ban hành các nghị quyết thường niên và nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các nghị quyết ban hành tại kỳ họp cuối năm gồm:

a) Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

b) Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương;

c) Nghị quyết về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương;

d) Nghị quyết về phân bổ ngân sách địa phương;

đ) Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công;

e) Nghị quyết về giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các nghị quyết ban hành tại kỳ họp giữa năm gồm: Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và ban hành các nghị quyết chuyên đề về cơ chế, chính sách và các nội dung khác tại kỳ họp cuối năm, kỳ họp giữa năm hoặc kỳ họp chuyên đề theo yêu cầu thực tế.

Điều 23. Việc chuẩn bị chương trình xây dựng nghị quyết hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của mỗi năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh dự kiến những nội dung sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết trong năm sau.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan; nếu chấp thuận thì phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Việc xây dựng dự thảo nghị quyết, hồ sơ dự thảo nghị quyết thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

Điều 24. Thời hạn chuẩn bị và hoàn thành các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết

1. Chậm nhất 50 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến các báo cáo, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chậm nhất 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì hội nghị liên tịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh để thống nhất dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; phân công các cơ quan, đơn vị chuẩn bị nội dung báo cáo, dự thảo nghị quyết, tờ trình; phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chuẩn bị thẩm tra.

3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh phải hoàn thành tài liệu được phân công, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phải hoàn thành việc thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 25. Thời hạn gửi báo cáo, dự thảo nghị quyết, các tài liệu khác đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và những người có liên quan

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp và gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân chậm nhất 20 ngày đối với kỳ họp thường kỳ, 07 ngày đối với kỳ họp

chuyên đề trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đến thủ trưởng, cơ quan đơn vị bị chất vấn để chuẩn bị trả lời (nếu có).

3. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ, 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các tài liệu cần thiết khác; gửi giấy mời tới đại biểu khách mời tham dự kỳ họp. Quyết định triệu tập kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ, 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề.

Điều 26. Khách mời tham dự kỳ họp gồm những thành phần sau đây

1. Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại diện Văn phòng Quốc hội, các đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa.

2. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thành viên Ủy ban nhân dân; thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh; đại diện Đoàn Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh.

3. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

4. Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

5. Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ quan của Trung ương đứng chân trên địa bàn tỉnh, cơ quan báo chí và công dân có thể được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Các thành phần khác theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG TẠI KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 27. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Chương trình kỳ họp tại phiên trù bị trước khi khai mạc kỳ họp.

2. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh điều hành kỳ họp theo chương trình, nội dung đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Khi cần điều chỉnh nội dung, chương trình kỳ họp, Chủ tọa đưa ra xin ý kiến để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Bảo đảm thảo luận dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu đóng góp ý kiến; dành thời gian hợp lý cho việc chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp.

5. Chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

7. Điều hành để Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua nghị quyết.

8. Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, công tác bảo đảm an ninh, trật tự, công tác tiếp công dân và các công tác khác bảo đảm cho thành công kỳ họp.

9. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phân công các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh điều hành từng phiên họp hoặc từng nội dung trong phiên họp.

Điều 28. Công tác thư ký kỳ họp

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu khách mời có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp, báo cáo Chủ tọa phiên họp, kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại kỳ họp.

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

5. Phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết và báo cáo Chủ tọa kỳ họp để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp các ý kiến phản ánh của cử tri và Nhân dân gửi đến kỳ họp qua số điện thoại đường dây nóng để chuyển đến Chủ tọa kỳ họp; theo dõi việc thực hiện Nội quy kỳ họp; báo cáo, đề xuất Chủ tọa kỳ họp xử lý những vấn đề phát sinh tại kỳ họp.

7. Trình bày dự thảo nghị quyết trước khi Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua nếu được Chủ tọa kỳ họp phân công.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 29. Việc đọc báo cáo tại các phiên họp

1. Tùy từng loại tài liệu trình kỳ họp, sau khi có bản chính gửi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể yêu cầu cơ quan trình báo cáo chuẩn bị báo cáo tóm tắt để đọc tại phiên họp.

2. Người có trách nhiệm trình bày các báo cáo, đề án, tờ trình tại phiên họp phải đọc nội dung ghi trong văn bản, không giải thích ngoài nội dung ghi trong văn bản.

Điều 30. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự sau đây

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký phát biểu.
2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, thời gian phát biểu không quá 10 phút. Trường hợp cần thảo luận thêm thì chỉ được phát biểu thêm một lần, thời gian phát biểu không quá 05 phút.
3. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

Điều 31. Trình tự xem xét, thông qua nghị quyết tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết thuyết trình dự thảo nghị quyết.
2. Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.
3. Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.
4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và các cơ quan có liên quan giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết.
5. Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết bằng một trong ba cách sau:
 - a) Biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ;
 - b) Nghe đọc toàn văn rồi biểu quyết toàn bộ một lần;
 - c) Biểu quyết những vấn đề còn có ý kiến khác nhau rồi biểu quyết toàn bộ.
6. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành, trường hợp bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành. Hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo luật.
7. Trong trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua thì Chủ tọa phiên họp tự mình hoặc theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.
8. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký chứng thực. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt, ủy quyền hoặc khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì Chủ tọa phiên họp ký chứng thực.

Điều 32. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thời hạn gửi do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo trước kỳ họp.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tọa kỳ họp yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; các cá nhân có liên quan được mời tham dự kỳ họp tham gia trả lời, làm rõ những vấn đề nội dung chất vấn và những vấn đề cử tri, Nhân dân trong tỉnh quan tâm.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời;

d) Những người khác được mời tham dự kỳ họp có thể được Chủ tọa kỳ họp yêu cầu tham gia trả lời chất vấn về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình mà các đại biểu tham dự kỳ họp, cử tri và Nhân dân trong tỉnh quan tâm phản ánh trực tiếp đến phiên chất vấn của kỳ họp qua số điện thoại đường dây nóng.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý để trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

a) Vấn đề chất vấn cần được xác minh;

b) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp hoặc những vấn đề không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng được các đại biểu tham dự kỳ họp, cử tri và Nhân dân trong tỉnh quan tâm phản ánh trực tiếp đến phiên chất vấn qua số điện thoại đường dây nóng mà chưa thể trả lời trực tiếp tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng

nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về chất vấn.

6. Phiên họp chất vấn tại Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp. Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp nhận ý kiến phản ánh của cử tri và Nhân dân gửi đến kỳ họp qua số điện thoại đường dây nóng.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết, kết luận của Hội đồng nhân dân tỉnh về chất vấn và trả lời chất vấn, các vấn đề đã cam kết tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 33. Việc bầu bổ sung các chức danh thuộc thẩm quyền

Việc bầu bổ sung các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 26 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Điều 34. Những hoạt động sau khi kết thúc kỳ họp

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và hoàn chỉnh các văn bản sau:

a) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thẩm tra dự thảo nghị quyết có trách nhiệm hoàn chỉnh nghị quyết đó sau khi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra văn bản trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực;

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng đề cương báo cáo kết quả kỳ họp gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ngay sau ngày bế mạc kỳ họp để đại biểu làm tư liệu báo cáo với cử tri.

2. Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm gửi nghị quyết, báo cáo, đề án, biên bản của kỳ họp lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến các cơ quan liên quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được đăng công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các quy định khác liên quan.

4. Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tích cực giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đôn đốc việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cử tri và đôn đốc thực hiện các nội dung sau giám sát, sau chất vấn.

Chương V GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1 HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 35. Giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và kiến nghị của cử tri, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát, ban hành kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo; chỉ đạo, phân công, điều hòa, phối hợp thực hiện nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả giám sát và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Sau khi xem xét báo cáo kết quả giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về vấn đề được giám sát nếu xét thấy cần thiết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau giám sát.

Điều 36. Giám sát thông qua hoạt động xem xét báo cáo

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thông qua hoạt động xem xét báo cáo đối với các báo cáo của các cơ quan nêu tại khoản 1 Điều 21 của Quy chế này.

2. Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy chế này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Sau khi xem xét các báo cáo nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về công tác của cơ quan trình báo cáo nếu thấy cần thiết.

Điều 37. Giám sát thông qua hoạt động chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp

Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thông qua hoạt động chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp được thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này.

Điều 38. Giám sát thông qua hoạt động lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu

1. Việc lấy phiếu tín nhiệm:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban

nhân dân tỉnh;

b) Việc lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh bằng cách bỏ phiếu kín. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm;

c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức;

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

2. Việc bỏ phiếu tín nhiệm:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu khi có một trong những trường hợp sau:

Có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

Có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp;

b) Việc bỏ phiếu tín nhiệm được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh bằng cách bỏ phiếu kín. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm;

c) Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, KHẢO SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 39. Giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử tri trong tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định vào cuối năm trước.

3. Căn cứ chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát, ban hành kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo, tổ chức thực hiện giám sát và ban hành kết luận từng nội dung giám sát gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và

các cơ quan, tổ chức có liên quan; có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận giám sát.

4. Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 40. Hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức khảo sát để nắm tình hình phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Thành phần tham gia đoàn khảo sát, thời gian, địa điểm khảo sát do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 41. Hoạt động chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Trên cơ sở ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian chất vấn.

2. Hoạt động chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều 32 của Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp; vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh; chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu hội đồng nhân dân đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Điều 42. Hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình và cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân quan tâm.

Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình và người được yêu cầu giải trình do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Người được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo, giải trình theo yêu cầu của

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tọa nêu nội dung yêu cầu giải trình, người có trách nhiệm giải trình;
- b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự nêu yêu cầu giải trình;
- c) Người giải trình có trách nhiệm giải trình vấn đề được yêu cầu;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên giải trình phát biểu ý kiến;

đ) Chủ tọa nêu dự kiến kết luận, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua kết luận vấn đề được giải trình. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân, người được yêu cầu giải trình và cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Điều 43. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát, khảo sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân điều chỉnh kế hoạch giám sát, khảo sát của mình, bảo đảm hoạt động giám sát, khảo sát không bị trùng lặp.

3. Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức họp với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để phối hợp hoạt động giám sát, khảo sát, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động giám sát.

5. Việc báo cáo kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp do Ban thực hiện hoặc có thể do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo.

Điều 44. Giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật

về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri; yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri; phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 45. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái pháp luật

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái pháp luật trong các trường hợp sau đây:

a) Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

2. Ban Pháp chế có trách nhiệm thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp.

Ban của Hội đồng nhân dân có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, KHẢO SÁT CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 46. Giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh lập chương trình giám sát hằng năm căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội

đồng nhân dân tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được Ban xem xét, quyết định vào cuối năm trước.

3. Căn cứ chương trình giám sát đã được thông qua, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát, ban hành kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo, tổ chức thực hiện giám sát và ban hành kết luận từng nội dung giám sát gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan; có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận giám sát.

4. Báo cáo kết quả giám sát của Ban gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 47. Hoạt động khảo sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức khảo sát nắm tình hình phục vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo sự điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để bảo đảm không bị trùng lặp về thời gian, địa điểm khảo sát.

Điều 48. Hoạt động của Ban về thẩm tra các báo cáo

1. Theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp thẩm tra báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy chế này.

2. Báo cáo thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 49. Giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biết việc giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng yêu cầu thì Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 50. Giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về

khieu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khieu nại, tố cáo, kiến nghị tại địa phương.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Ban của Hội đồng nhân dân yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Ban và phải báo cáo Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 51. Giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát; tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn của Tổ đại biểu hoặc giám sát các nội dung do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

Điều 52. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thông qua các hoạt động sau đây

1. Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, trước hết là nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên.

3. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương; trước hết là việc thi hành pháp luật tại huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên.

4. Giám sát việc giải quyết khieu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; trước hết là khieu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân tại huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên.

5. Trong quá trình hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát và có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 53. Hoạt động chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến người bị chất vấn.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn.

3. Trình tự, thủ tục chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này.

Điều 54. Giám sát việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện; trước hết là nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 55. Theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật trên địa bàn

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; trước hết là việc thi hành pháp luật tại huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên.

2. Khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát; khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với việc giải quyết thì

đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết;

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 56. Tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân chuyển cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết và đôn đốc việc giải quyết

1. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, trực tiếp chuyển đơn hoặc đề nghị Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, đồng thời thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết.

2. Trong thời hạn do pháp luật quy định, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biết kết quả giải quyết; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền gặp người có thẩm quyền giải quyết hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết để yêu cầu giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Mục 5

MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 57. Yêu cầu đối với cơ quan hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành giám sát

Cơ quan hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi tiến hành giám sát cần lựa chọn nội dung giám sát thiết thực, là những vấn đề bức xúc, dư luận xã hội, cử tri và Nhân dân quan tâm; những vấn đề có tầm ảnh hưởng, tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phải có phương thức tiến hành giám sát phù hợp, hiệu quả, tránh hình thức.

Kết luận giám sát phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế, kiến nghị nêu ra phải cụ thể, thiết thực.

Điều 58. Yêu cầu đối với quan, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát

Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giám sát phải chuẩn bị báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu và bố trí thời gian, địa điểm làm việc theo yêu cầu của cơ quan hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành giám sát; đồng thời phải tham dự các cuộc họp liên quan đến kết luận giám sát do Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mời; tiếp thu, thực hiện; chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau giám sát.

Chương VI
HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ TIẾP CÔNG DÂN
CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1
HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI
CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 59. Nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Chậm nhất là 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri triển khai đến các Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã, thành phố.

2. Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp.

3. Theo dõi, giám sát, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

4. Xem xét đưa ra chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đối với người có trách nhiệm giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri, đã được Hội đồng nhân dân đôn đốc nhưng không thực hiện.

Điều 60. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Trên cơ sở kế hoạch và lịch tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức cho các đại biểu trong Tổ tiếp xúc cử tri bảo đảm hiệu quả, thiết thực;

b) Ngay sau khi kết thúc đợt tiếp xúc cử tri, tổ chức họp Tổ đại biểu, mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện thuộc đơn vị bầu cử tham dự; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri bằng văn bản gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

2. Nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

Thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri theo kế hoạch; có thể tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc hoặc theo chuyên đề.

Điều 61. Thành phần tham gia tại các hội nghị tiếp xúc cử tri gồm

1. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

các tổ chức thành viên của Mặt trận ở địa phương nơi tiếp xúc cử tri.

2. Cử tri trực tiếp làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; cử tri ở thôn, bản, tổ dân phố, khu phố.

Điều 62. Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành theo nội dung và trình tự sau đây

1. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện trong tỉnh, nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì Thủ trưởng hoặc Chủ tịch Công đoàn cơ quan chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần đại biểu, chương trình, nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với cử tri dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri (tại hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp). Báo cáo với cử tri kết quả kỳ họp, kết quả hoạt động của đại biểu, phổ biến nội dung các nghị quyết vừa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (tại hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp).

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu giải trình và tiếp thu những vấn đề cử tri có ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

6. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri phát biểu kết thúc hội nghị, nếu là hội nghị tiếp xúc cử tri ở cơ quan thì Thủ trưởng hoặc Chủ tịch Công đoàn cơ quan phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

Điều 63. Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi cư trú được tổ chức như sau

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trực tiếp hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn nơi đại biểu cư trú để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn nơi đại biểu cư trú phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri thông báo rộng rãi cho cử tri nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị tiếp xúc biết về nội dung, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại biểu cư trú có trách nhiệm tạo điều kiện và bảo đảm trật tự, an toàn cho cuộc tiếp xúc cử tri.

3. Trình tự tiếp xúc cử tri theo quy định tại Điều 62 của Quy chế này.

Điều 64. Hội nghị tiếp xúc cử tri nơi làm việc được tổ chức như sau

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh liên hệ với Ban chấp hành công đoàn, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri.

2. Ban chấp hành công đoàn nơi đại biểu làm việc phối hợp với người

đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri và thông báo cho cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị biết về nội dung, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri; nơi nào không có tổ chức công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri.

3. Trình tự tiếp xúc cử tri theo quy định tại Điều 62 của Quy chế này.

Điều 65. Trong hoạt động tiếp xúc cử tri, Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ sau đây

1. Gửi các báo cáo, tài liệu phục vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tiếp thu các ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được báo cáo tại kỳ họp, phân công, chỉ đạo các ngành giải quyết và gửi văn bản phân công đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để theo dõi việc thực hiện.

3. Báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 66. Trong việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ sau đây

1. Chỉ đạo bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất cho việc tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và thông báo cho đại biểu biết; niêm yết công khai lịch tiếp công dân tại nơi tiếp công dân; chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí công chức tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh và tham mưu xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, phục vụ hoạt động tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh.

2. Phân công đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh; chỉ đạo các Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phân công đại biểu thuộc Tổ tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương thuộc địa bàn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đồng thời là Bí thư Tỉnh ủy thì việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với công dân kết hợp việc thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Bộ Chính trị.

4. Đôn đốc, kiểm tra và xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Điều 67. Trong việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, Tổ trưởng Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm sau đây

1. Tổ trưởng Tổ đại biểu:

a) Căn cứ vào lịch tiếp công dân của các đại biểu trong Tổ, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố bố trí để đại biểu tiếp công dân tại nơi tiếp công dân của huyện, thị xã;

b) Theo dõi và định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động tiếp công dân của các đại biểu thuộc Tổ.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Thực hiện tiếp công dân theo lịch đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công và chủ động tiếp công dân để thu thập ý kiến, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân;

b) Khi nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn công dân gửi đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trực tiếp hoặc thông qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh biết;

c) Khi công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trực tiếp mà không có đơn thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi biên bản về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do công dân cung cấp thông tin và yêu cầu công dân ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản để xác nhận những nội dung mà mình đã trình bày hoặc hướng dẫn công dân viết đơn. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản hoặc thông qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh biết;

d) Theo dõi, đôn đốc và giám sát việc giải quyết nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân;

đ) Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không đúng pháp luật, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

Điều 68. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân

Trong thời hạn theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân do đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và

Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến và thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết.

Chương VII

QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 69. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ giữa cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương với cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp, cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh; ban hành các nghị quyết và giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành, giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động xây dựng, kịp thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, các điểm d, đ, e khoản 2, các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 5 của Quy chế này; tổ chức triển khai thực hiện, sớm đưa các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh vào cuộc sống.

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xây dựng các báo cáo liên quan theo quy định tại Điều 21 Quy chế này và báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; thường xuyên rà soát các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì trình Hội đồng nhân dân tỉnh kịp thời bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới, bảo đảm đồng bộ với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 70. Quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp; tiếp xúc cử tri; đôn đốc giải quyết kiến nghị của cử tri; đôn đốc giải quyết các kiến nghị sau giám sát, sau chất vấn; đôn đốc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ họp, nếu có những vấn đề phát sinh do thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc do yêu cầu cấp thiết của phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này thì Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi tờ trình và các tài liệu liên quan để

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét. Khi được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thì Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Phối hợp trong việc cung cấp thông tin:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm mời các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các hội nghị, hội thảo do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức có nội dung liên quan; gửi các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản có liên quan khác đến Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm mời Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có liên quan dự các hội nghị do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, bàn về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh các văn bản quản lý do mình ban hành, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, các thông báo kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị và các văn bản có liên quan khác;

c) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có liên quan tham dự các cuộc họp tổng kết công tác;

d) Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo và cung cấp các tài liệu liên quan khác cho Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 71. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh

1. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là quan hệ giữa cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương với cơ quan tư pháp cùng cấp.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh trong việc bầu Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh.

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm báo cáo hoạt động của ngành mình với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 72. Quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời Trưởng Đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tham gia các hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; dự các phiên họp, các hội nghị có liên quan do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức; mời đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tỉnh dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh mời Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự một số hoạt động giám sát, khảo sát và dự các hội nghị, hội thảo do Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tổ chức.

3. Hai bên phối hợp trong việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; đôn đốc và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn tỉnh; phối hợp trong tham gia ý kiến xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thực hiện công tác đối ngoại.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp cùng Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong công tác lãnh đạo hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 73. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri; tổng hợp những ý kiến, kiến nghị của cử tri do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và chuyển đến các cơ quan Nhà nước, tổ chức hữu quan nghiên cứu giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết những ý kiến, kiến nghị đó.

c) Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo dõi hoạt động của đại biểu và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ của người đại biểu;

d) Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng của tỉnh;

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia các hoạt động giám sát của mình khi xét thấy cần thiết.

e) Tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội động viên cử tri và Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có trách nhiệm:

a) Thông báo hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia xây dựng chính quyền và ý kiến, kiến nghị của cử tri, ý kiến, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh với Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chỉ đạo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri; chủ trì phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri;

c) Thường xuyên theo dõi, giám sát đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đại biểu;

d) Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố

1. Định kỳ 6 tháng, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố để trao đổi thông tin; thảo luận, đề xuất các biện pháp thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố tham dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố mời đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc Tổ đại biểu đơn vị địa phương dự kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp mình.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố giám sát những nội dung cụ thể trên địa bàn, gửi báo cáo kết quả về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi đoàn về làm việc tại địa phương; tham gia đoàn công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo hoạt động định kỳ và các báo cáo khác về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Chương VIII
CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 75. Công tác tham mưu, giúp việc, phục vụ

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm tổ chức công tác tham mưu, giúp việc và bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong kế hoạch ngân sách hằng năm của tỉnh. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Nội dung chi, định mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cung cấp các tài liệu của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nghị quyết của Hội đồng nhân dân và các tài liệu cần thiết khác.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp và sử dụng Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật. Khi làm nhiệm vụ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu. Tổ chức, cá nhân cản trở hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong khi thi hành nhiệm vụ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 77. Việc sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân và chữ ký của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chữ ký của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 78. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy chế làm việc, quy trình xử lý công việc, phân công nhiệm vụ các thành viên trong tổ chức của mình nhằm cụ thể hóa Quy chế này để thực hiện.

Điều 79. Quy định về sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có nội dung chưa phù hợp sẽ được sửa đổi, bổ sung. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.